

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Cần Thơ, tháng 9 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh tế nông nghiệp
Tên chương trình (tiếng Anh)	Agricultural Economics
Mã số ngành đào tạo	7620115
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	Cử nhân ngành kinh tế nông nghiệp có thể làm việc ở các vị trí sau: - Nhân viên/ Cán bộ quản lý kinh tế/Chuyên viên nghiên cứu: ở các cơ quan ban ngành các cấp; làm việc trong các

	tổ chức, các chương trình/dự án kinh tế - xã hội trong khu vực nông nghiệp, nông thôn. - Nghiên cứu viên và giảng viên: nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Đại học, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu và giảng dạy các học phần liên quan đến phân tích định lượng, kinh tế học và kinh tế học ứng dụng trong nông nghiệp. - Nhân viên/ Quản lý trong các tổ chức kinh tế: tại các tổ chức kinh tế nhất là các doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông nghiệp. - Chuyên viên tư vấn trong các dự án về nông nghiệp và phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo. - Ngoài ra, cử nhân ngành Kinh tế nông nghiệp có thể tự tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Hình thành thói quen và khả năng tự học, học suốt đời, có đủ kiến thức và khả năng cập nhật kiến thức để phục vụ cho công việc, học tập và nghiên cứu. - Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo bằng 2 cũng như nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp của The University of Sydney, University of New England (Úc), Purdue University, Auburn University (Hoa Kỳ). - Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp của Học viện nông nghiệp Việt Nam, Đại học Kinh tế TP HCM. - Tài liệu hướng dẫn và góp ý của đại diện tổ chức ASEAN University Network. - Góp ý của các cựu sinh viên, doanh nghiệp. - Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo CDIO.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023. - Chứng nhận đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (AUN-QA).
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 8 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế nông nghiệp được thiết kế nhằm trang bị cho người học các kiến thức cần thiết phục vụ cho hoạt động nghiên cứu kinh tế và hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp. Sinh viên còn được trang bị các kỹ năng phân tích kinh tế để giải quyết các vấn đề và tình huống phát sinh trong hoạt động nghiên cứu và kinh doanh để khai thác và sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

- a. Trang bị cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.
- b. Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng vững chắc về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường.
- c. Giúp sinh viên hiểu biết sâu về kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để thực hiện các nghiên cứu kinh tế và giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp và nghiên cứu kinh tế nông nghiệp.
- d. Trang bị kiến thức đủ rộng, khả năng nghiên cứu chuyên sâu và năng lực tự học để tiếp tục nâng cao và mở rộng kiến thức nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế khu vực ĐBSCL.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Nhận biết chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; chính sách quốc phòng toàn dân và các vấn đề cơ bản của pháp luật Việt Nam.
- b. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để phát triển chuyên môn.
- c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Hiểu biết pháp luật kinh tế, marketing và phân tích tài chính các hoạt động kinh tế.
- b. Ứng dụng những nguyên lý kinh tế cơ bản để phân tích và lý giải được về sự vận hành của thị trường, hành vi của khách hàng, của người sản xuất, và của tổ chức.
- c. Phân tích định lượng và định tính các mối quan hệ kinh tế trong nghiên cứu kinh tế.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Nhận diện những vấn đề kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sự phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- b. Hoạch định việc sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên (đất đai, vốn, lao động,...) trong nông nghiệp.
- c. Tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp.
- d. Phân tích và dự báo về xu hướng phát triển của thị trường hàng hóa, dịch vụ nói chung và nông sản nói riêng

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Tổ chức điều tra thu thập số liệu, phân tích số liệu phục vụ cho nghiên cứu và dự báo kinh tế.
- b. Tổ chức các nguồn lực và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nông trại và trong các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng nông sản.
- c. Xây dựng, thẩm định, quản lý và thực hiện các dự án trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- d. Hình thành và rèn luyện tư duy phản biện trong hoạt động chuyên môn và các hoạt động xã hội khác.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Giao tiếp tốt bằng văn bản, truyền thông đa phương tiện trong môi trường làm việc và học tập, xây dựng các mối quan hệ xã hội.
- b. Thành lập, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm, có kỹ năng lãnh đạo, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- c. Thành lập, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm, có khả năng phối hợp và gắn kết mục tiêu các thành phần trong nhóm, tham gia hoạt động chuyên môn trong nhóm.
- d. Sử dụng kỹ năng ngoại ngữ tương đương với trình độ B1, đọc hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và một số phần mềm kinh tế ứng dụng, sử dụng thành thạo internet trong giao tiếp và thu thập thông tin.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- a. Có phẩm chất chính trị: chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; quan điểm chính trị vững vàng, biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể tổ chức và quốc gia.
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân: có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết công nhận thành quả của người khác, biết chấp nhận thất bại và rút kinh nghiệm.
- c. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- d. Có phẩm chất đạo đức xã hội: có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức xã hội, các dân tộc; biết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội; tư cách, tác phong đúng đắn, chuẩn mực trong quan hệ xã hội; và biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (3)																			
	Kiến thức (3.1)										Kỹ năng (3.2)							Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)		
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành 3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)					
	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c
2.2a	X	X	X											X	X		X	X	X	X
2.2b	X	X	X	X	X	X					X			X	X	X	X	X	X	X
2.2c				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2d				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																				
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)									Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d
Khối kiến thức giáo dục đại cương																							
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x																	x			
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x																	x			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x																	x			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x																	x			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)		x																			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			x														x				
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			x														x				
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			x														x				
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			x														x				
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			x														x				
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			x														x				
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			x														x				
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			x														x				
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			x														x				
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			x														x				
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			x														x				
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			x														x				
18	TN033	Tin học căn bản (*)		x															x				
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		x															x				

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																				
			Kiến thức (3.1)										Kỹ năng (3.2)						Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	x																	x			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x																	x			
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x																	x			
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x																	x			
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																	x	x	x	x
25	KL001	Pháp luật đại cương		x																			
26	TN010	Xác suất thống kê		x									x										
27	KT105	Toán kinh tế 1		x		x		x					x										
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp															x				x		
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương		x																			
30	XH028	Xã hội học đại cương		x																		x	x
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		x										x				x				x	
Khối kiến thức cơ sở ngành																							
32	KT101	Kinh tế vi mô 1				x	x							x	x								
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1				x	x							x	x								
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh				x	x	x			x	x	x	x	x		x					x	
35	KL369	Luật kinh tế				x	x																
36	KT106	Nguyên lý kế toán				x	x														x	x	
37	KT104	Marketing căn bản					x											x					
38	KT463	Những vấn đề kinh tế nông nghiệp hiện hành				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x
39	KT318	Kinh tế nông nghiệp						x	x	x	x	x		x	x	x	x	x					
40	KT456	Kinh tế sử dụng đất				x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x
41	KT467	Quản lý nông trại				x	x			x	x	x		x	x	x		x					
42	KT113	Kinh tế lượng						x			x	x	x		x			x				x	x
43	KT304	Kinh tế sản xuất						x	x	x	x	x	x	x	x	x							
44	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế				x			x		x	x	x	x	x	x		x				x	
45	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề							x		x			x	x	x	x	x				x	
46	KT103	Quản trị học				x	x				x			x	x	x		x				x	
47	KT330	Thuế				x	x							x	x								
48	KT360	Quản trị sản xuất				x	x							x	x							x	
49	KT194	Nông nghiệp kỹ thuật số						x		x				x	x								
Khối kiến thức chuyên ngành																							
50	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế								x									x				
51	KT195	Pháp văn chuyên môn kinh tế								x									x				
52	KT465	Phân tích giá trong nông nghiệp							x	x	x	x	x	x	x	x		x					

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																						
			Kiến thức (3.1)										Kỹ năng (3.2)									Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)								
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d		
53	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản							x	x	x	x		x	x	x		x							
54	KT475	Thương mại nông nghiệp quốc tế				x			x	x		x	x		x	x		x							
55	KT201	Quản trị dự án									x	x		x	x	x		x				x			
56	KT253	Kinh doanh nông nghiệp						x	x	x	x	x		x	x	x		x				x			
57	KT240	Marketing nông nghiệp						x	x	x	x	x		x	x			x							
58	KT258	Kiến tập ngành Kinh tế nông nghiệp							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			
59	KT241	Seminar kinh tế nông nghiệp								x	x		x	x	x		x	x	x						
60	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp							x	x	x	x	x	x	x	x		x							
61	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản							x	x	x	x		x	x	x		x							
62	KT413	Kinh tế vùng							x	x	x	x		x				x							
63	KT115	Kinh tế phát triển							x	x	x	x			x	x		x							
64	KT305	Kinh tế môi trường								x	x	x			x	x									
65	KT418	Phân tích lợi ích chi phí									x	x	x	x				x							
66	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp						x						x	x			x			x	x	x		
67	KT337	Thương mại điện tử						x										x							
68	KT316	Kinh doanh quốc tế				x						x				x		x				x			
69	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh					x	x			x	x		x				x							
70	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm					x	x		x	x			x	x			x				x	x		
71	KT372	Kế toán chi phí					x	x					x	x	x	x						x			
72	KT439	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp								x	x	x	x		x	x	x	x	x			x			
73	KT254	Khởi sự doanh nghiệp					x	x	x		x			x	x	x		x				x	x		
74	KT189	Kinh tế tuần hoàn					x	x	x		x			x	x	x		x				x	x		
75	KT415	Luận văn tốt nghiệp - KTNN							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
76	KT300	Tiểu luận tốt nghiệp - KTNN							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
77	KT420	Dự báo kinh tế							x		x	x	x			x			x			x			
78	KT268	Kinh tế nông hộ				x			x	x	x	x		x	x	x		x				x			
79	KT455	Kinh tế lương thực							x	x	x	x		x	x	x		x							
80	KT478	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp							x	x	x	x		x	x	x		x							

Ghi chú: Học phần và dấu “X” và ghi trong các bảng trên chỉ là ví dụ.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Kinh tế nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 42 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 6 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 52 tín chỉ (Bắt buộc: 24 tín chỉ; Tự chọn: 28 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45			XH004	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45			XH005	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60			XH006	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	45				FL004	I,II,III		
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	45				FL005	I,II,III		
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60			I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I,II,III	
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				I,II	
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				I,II	
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2		2	30				I,II,III	
30	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III	
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III	
Cộng: 47 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 15 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				I,II	
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		I,II	
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010		I,II	
35	KL369	Luật kinh tế	2	2		30				I,II	
36	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				I,II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
37	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				I,II
38	KT463	Những vấn đề kinh tế nông nghiệp hiện hành	2	2		30			KT102	I,II
39	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	3		45		KT101		I,II
40	KT456	Kinh tế sử dụng đất	2	2		30		KT101		I,II
41	KT467	Quản lý nông trại	2	2		30			KT101	I,II
42	KT113	Kinh tế lương	3	3		45		KT471		I,II
43	KT304	Kinh tế sản xuất	3	3		45		KT101		I,II
44	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	2		30		KT471		I,II
45	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				I,II
46	KT103	Quản trị học	3		6	45				I,II
47	KT330	Thuế	3			45				I,II
48	KT360	Quản trị sản xuất	3			45				I,II
49	KT194	Nông nghiệp kỹ thuật số	3			45				I,II
Cộng: 42 TC (Bắt buộc 36 TC; Tự chọn: 6 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
50	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3		3	45				I,II
51	KT195	Pháp văn chuyên môn kinh tế	3			45				I,II
52	KT465	Phân tích giá trong nông nghiệp	2	2		30		KT101		I,II
53	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2		30		KT101		I,II
54	KT475	Thương mại nông nghiệp quốc tế	3	3		45			KT253	I,II
55	KT201	Quản trị dự án	2	2		30				I,II
56	KT253	Kinh doanh nông nghiệp	3	3		45			KT101	I,II
57	KT240	Marketing nông nghiệp	3	3		45				I,II
58	KT258	Kiên tập ngành Kinh tế nông nghiệp	2	2			60			I,II
59	KT196	Seminar kinh tế nông nghiệp	2	2		30		KT109		I,II
60	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3		45			KT304	I,II
61	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	2	2		30				I,II
62	KT413	Kinh tế vùng	3		15	45		KT102		I,II
63	KT115	Kinh tế phát triển	3			45		KT102		I,II
64	KT305	Kinh tế môi trường	3			45		KT101		I,II
65	KT418	Phân tích lợi ích chi phí	2			30				I,II
66	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30				I,II
67	KT337	Thương mại điện tử	2			30				I,II
68	KT316	Kinh doanh quốc tế	3			45				I,II
69	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45				I,II
70	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2			30				I,II
71	KT372	Kế toán chi phí	2			30		KT106		I,II
72	KT439E	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	2				60	KT109		I,II,III
73	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3		10	45				I,II
74	KT189	Kinh tế tuần hoàn	2			30				I,II
75	KT415	Luận văn tốt nghiệp - KTNN	10				300	≥ 105 TC		I,II
76	KT300	Tiểu luận tốt nghiệp - KTNN	4				120	≥ 105 TC		I,II
77	KT420E	Dự báo kinh tế	3			45		≥ 105 TC		I,II
78	KT268	Kinh tế nông hộ	3			45		KT318		I,II
79	KT455	Kinh tế lương thực	2			30		KT101		I,II
80	KT478E	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp	2			30		≥ 105 TC		I,II
Cộng: 52 TC (Bắt buộc: 24 TC; Tự chọn: 28 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 92 TC; Tự chọn: 49 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP K48

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
3	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
4	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
5	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				
Cộng			13	13	0					
Học kỳ 2 – Năm thứ 1										
6	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			SV học theo thời khóa biểu của Trường
7	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
8	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
9	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60			
12	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
13	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				
14	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		
Cộng			20	20	0					
Học kỳ 1- Năm thứ 2										
15	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
16	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
18	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010		
19	KL369	Luật kinh tế	2	2		30				
21	KT463	Những vấn đề kinh tế nông nghiệp hiện hành	2	2		30			KT102	
22	KT103	Quản trị học	3		6	45				
23	KT330	Thuế	3			45				
24	KT360	Quản trị sản xuất	3			45				
25	TS194	Nông nghiệp kỹ thuật số	3			45				
26	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	4TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				
27	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		
28	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		
29	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		
30	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		
31	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		
32	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60				
33	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
34	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
35	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		
36	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		
37	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		
Cộng			20	9	11					
Học kỳ 2 – Năm thứ 2										
38	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30			
39	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2		2	30				
40	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
41	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
42	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
43	KT456	Kinh tế sử dụng đất	2	2		30		KT101		
44	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
45	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT471		
46	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	2		30		KT471		
47	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				
48	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	3TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				
49	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		
50	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		
51	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		
52	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		
53	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		
54	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60				
55	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
56	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
57	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		
58	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		
59	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		
Cộng			20	14	6					
Học kỳ 1 – Năm thứ 3										
60	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30			
61	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
62	KT304	Kinh tế sản xuất	3	3		45		KT101		
63	KT467	Quản lý nông trại	2	2		30			KT101	
64	KT475	Thương mại nông nghiệp quốc tế	3	3		45			KT253	
65	KT253	Kinh doanh nông nghiệp	3	3		45			KT101	
66	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	3		45		KT101		
67	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	3TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				
68	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		
69	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		
70	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		
71	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		
72	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		
73	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60				
74	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
75	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
76	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		
77	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		
78	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		
Cộng			20	16	4					
Học kỳ 2 – Năm thứ 3										
79	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3		3	45				
80	KT195	Pháp văn chuyên môn kinh tế	3			45				
81	KT465	Phân tích giá trong nông nghiệp	2	2		30		KT101		
82	KT258	Kiến tập ngành Kinh tế nông nghiệp	2	2			60	KT304		
83	KT240	Marketing nông nghiệp	3	3		45				
84	KT196	Seminar kinh tế nông nghiệp	2	2		30		KT109		
85	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
86	KT413	Kinh tế vùng	3		6	45		KT102		
87	KT115	Kinh tế phát triển	3			45		KT102		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
88	KT305	Kinh tế môi trường	3				45		KT101	
89	KT418	Phân tích lợi ích chi phí	2				30			
90	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2				30			
91	KT337	Thương mại điện tử	2				30			
92	KT316	Kinh doanh quốc tế	3				45			
93	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				45			
94	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2				30			
95	KT372	Kế toán chi phí	2				30		KT106	
96	KT439E	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	2					60	KT109	
97	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3				45			
98	KT189	Kinh tế tuần hoàn	2				30			
Cộng			20	11	9					
Học kỳ 1 – Năm thứ 4										
98	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2			30		KT101	
99	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3			45			
100	KT201	Quản trị dự án	2	2			30			
101	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	2	2			30			
102	KT413	Kinh tế vùng	3				45		KT102	
103	KT115	Kinh tế phát triển	3			9	45		KT102	
104	KT305	Kinh tế môi trường	3				45		KT101	
105	KT418	Phân tích lợi ích chi phí	2				30			
106	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2				30			
107	KT337	Thương mại điện tử	2				30			
108	KT316	Kinh doanh quốc tế	3				45			
109	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				45			
110	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2				30			
111	KT372	Kế toán chi phí	2				30		KT106	
112	KT439E	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	2					60	KT109	
113	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3				45			
114	KT189	Kinh tế tuần hoàn	2				30			
Cộng			18	9	9					
Học kỳ 2 – Năm thứ 4										
115	KT415	Luận văn tốt nghiệp - KTNN	10					300	≥ 105 TC	
116	KT300	Tiểu luận tốt nghiệp - KTNN	4					120	≥ 105 TC	
117	KT420E	Dự báo kinh tế	3			10	45		≥ 105 TC	
118	KT268	Kinh tế nông hộ	3				45		KT318	
119	KT455	Kinh tế lương thực	2				30		KT101	
120	KT478E	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp	2				30		≥ 105 TC	
Cộng			10	0	10					
TỔNG CỘNG			141	92	49					

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống dịch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng ký 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004), Taekwondo 3 (TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự, ...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính, ... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng, ... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian, ... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo,	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, ... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ, ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng; ... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn tăng cường 2 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Triết học Mác-Lênin và Kinh tế chính trị Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế, ...	Khoa luật
26	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần gồm 5 chương: chương 1 - Xác suất và công thức tính xác suất, chương 2 - Biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, chương 3 - Thống kê dữ liệu, chương 4 - Ước lượng tham số, chương 5 - Kiểm định giả thiết thống kê.	Khoa Khoa học Tự nhiên
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Sinh viên phải có một cách nhìn hệ thống về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân đối với hàm một biến và hàm nhiều biến. Đồng thời chỉ rõ các khả năng và lĩnh vực ứng dụng của nội dung học phần, soi sáng các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực đại số tuyến tính, giải tích, ... tạo điều kiện cho sinh viên học tốt các học phần có liên quan.	Khoa Kinh tế
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	Học phần giúp người học nắm vững nguyên tắc, mục đích, chức năng giao tiếp và ý nghĩa của việc giao tiếp tốt để thực hiện giao tiếp tốt và giao tiếp có văn hóa các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng từ chối, kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và giao tiếp bằng thư tín.	Khoa Kinh tế
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				manh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	viên
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận hành của thị trường hàng hóa, dịch vụ; lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp. Học phần còn trình bày hành vi của doanh nghiệp trong các cơ cấu thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Các kiến thức này nhằm cung cấp nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.	Khoa Kinh tế
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần kinh tế vĩ mô 1 bao gồm các nội dung liên quan đến các khái niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Hơn thế, học phần còn cung cấp cho sinh viên các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế và cách thức phân tích sự vận động và tương tác của chúng đối với nền kinh tế trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.	Khoa Kinh tế
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Nội dung học phần sẽ trình bày các khái niệm trong thống kê; cách thức sử dụng đồ thị và chỉ tiêu thống kê để mô tả số liệu; ứng dụng các mô hình xác suất và phân phối xác suất trong ra quyết định trong kinh tế và kinh doanh; thực hiện ước lượng và các kiểm định thống kê phổ biến.	Khoa Kinh tế
35	KL369	Luật kinh tế	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về các loại thương nhân, về hợp đồng thương mại, về các hình thức giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong đó, phần pháp luật về doanh nghiệp giúp sinh viên hiểu và nắm vững những vấn đề về thành lập, giải thể, về đặc điểm, cơ cấu tổ chức các loại hình doanh nghiệp như Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, những vấn đề về giao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng cũng được truyền tải đến sinh viên. Mặt khác, những quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các hình thức như thương lượng, giải hòa, trọng tài thương mại và tòa án cũng được đề cập đến. Phần nội dung cuối cùng giúp sinh viên hiểu những quy định pháp luật về phá sản như nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, trình tự thủ tục phá sản, thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.	Khoa Luật
36	KT106	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về kế toán, Tài sản và Nguồn vốn trong doanh nghiệp, Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép, Phương pháp tính giá các đối tượng kế toán, Phương pháp kiểm kê, Phương pháp chứng từ, Kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất, các hình thức kế toán.	Khoa Kinh tế
37	KT104	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được bốn phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.	Khoa Kinh tế
38	KT463	Những vấn đề kinh tế nông nghiệp hiện hành	2	Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan và chi tiết về các vấn đề trong kinh tế nông nghiệp hiện hành bao gồm: quá trình chuyển đổi trong kinh tế nông nghiệp, mối quan hệ giữa kinh tế nông nghiệp và kinh tế vĩ mô, kinh tế chính trị, kinh tế môi trường và chính sách trong nông nghiệp. Ngoài ra, vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa kinh tế môi trường và nông nghiệp, vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp ở các khu vực kém phát triển (LFA) cũng được phân tích.	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
39	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	Môn học Kinh tế nông nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kinh tế và vận dụng những nguyên lý này vào lĩnh vực nông nghiệp để tìm ra các giải pháp cho các vấn đề kinh tế của nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể, môn học giúp sinh viên nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp đối với nền kinh tế. Bên cạnh đó, môn học cũng giúp cho sinh viên có thể vận dụng những nguyên lý kinh tế học cơ bản vào việc giải thích, phân tích sản xuất và thị trường các sản phẩm nông nghiệp, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng đề cập những kiến thức cơ bản về những can thiệp của Nhà nước vào thị trường nông sản.	Khoa Kinh tế
40	KT456	Kinh tế sử dụng đất	2	Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; sẽ trình bày cho sinh viên các nội dung về những đặc điểm riêng biệt của cung và cầu, và sự hình thành giá của thị trường đất đai ở nông thôn cũng như đô thị. Nội dung của học phần còn cung cấp cho học viên kiến thức về tầm quan trọng của quy hoạch và các chính sách điều tiết sự vận hành của thị trường đất đai.	Khoa Kinh tế
41	KT467	Quản lý nông trại	2	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng cơ bản về quản trị kinh doanh nông trại, từ việc xây dựng, ghi chép, quản lý hệ thống hồ sơ nông trại, đánh giá kiểm kê tài sản cũng như các báo cáo kinh doanh, làm cơ sở cho việc phân tích và đề ra biện pháp một cách cơ bản, khoa học, hệ thống, hoạt động sản xuất kinh doanh của nông trại.	Khoa Kinh tế
42	KT113	Kinh tế lượng	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy: ước lượng, diễn giải, kiểm định và dự báo. Học phần còn trình bày việc xử lý các vấn đề trong phân tích hồi quy đối với các loại số liệu không gian (cross-section data) và chuỗi thời gian (time-series data). Song song với học lý thuyết, sinh viên còn được hướng dẫn xử lý các vấn đề về kinh tế lượng trong máy tính và thực hiện các nghiên cứu khoa học dưới các bài tập nhóm.	Khoa Kinh tế
43	KT304	Kinh tế sản xuất	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến lý thuyết và ứng dụng trong kinh tế sản xuất. Những vấn đề có liên quan bao gồm lý thuyết tân cổ điển về sản xuất (neo-classical theory of the firm) và lý thuyết nhị nguyên (duality theory) và những vấn đề kinh tế học cơ bản liên quan khác về kinh tế sản xuất trong nông nghiệp. Các mô hình lý thuyết và các ứng dụng thực tiễn sẽ được thảo luận và trình bày trên lớp và thông qua báo cáo thuyết trình theo nhóm của người học.	Khoa Kinh tế
44	KT109	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế là học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế. Nội dung học phần gồm: (1) tổng quan về nghiên cứu khoa học, (2) vấn đề nghiên cứu, (3) phương pháp nghiên cứu định tính, (4) phương pháp nghiên cứu định lượng, (5) phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, (6) đề cương nghiên cứu, (7) chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng, 8) đo lường và thu thập dữ liệu định lượng, và (9) trình bày kết quả nghiên cứu.	Khoa Kinh tế
45	KT119	Phương pháp tư duy và giải quyết vấn đề	2	Môn học Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề là học phần thuộc nhóm kỹ năng mềm. Vì vậy, mục tiêu của môn học nhằm phát triển kỹ năng tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp tư duy và nguyên tắc giải quyết vấn đề. Bên cạnh, vì là học phần kỹ năng mềm nên quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học, thuyết trình sản phẩm sáng tạo, đánh giá và đề xuất gợi ý giải pháp cho các hoạt động tư duy giữa các nhóm với nhau.	Khoa Kinh tế
46	KT103	Quản trị học	3	Học phần Quản trị học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	Khoa Kinh tế
47	KT330	Thuế	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về Thuế, các yếu tố cấu thành Luật Thuế; nội dung và cách tính toán các loại Thuế hiện hành trong hệ thống Thuế tại Việt Nam: Giá trị gia tăng, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhập khẩu, Bảo vệ môi trường, Tài nguyên, Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân và công tác quản lý Thuế tại Việt Nam.	
48	KT201	Quản trị dự án	2	Môn học Quản trị dự án là học phần nhằm giúp người học có cái nhìn rõ hơn về tầm quan trọng của việc lập và quản lý dự án trước khi triển khai dự án trên thực tế. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các loại dự án, quản lý tổng thể dự án thông qua quá trình tổ chức, quản lý thời gian các công việc trong dự án và quản lý chi phí dự án. Bên cạnh, quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học như trình bày một dự án hoàn chỉnh.	Khoa Kinh tế
49	KT194	Nông nghiệp kỹ thuật số	3	Học phần này cung cấp tổng quan về các nguyên tắc của nông nghiệp kỹ thuật số, tác động tiềm năng, phạm vi ứng dụng công nghệ hiện có cũng như các công nghệ hướng tới tương lai. Nó cung cấp cho người học các kiến thức về các lĩnh vực áp dụng công nghệ thông tin và dữ liệu lớn vào trong sản xuất và kinh doanh nông nghiệp (ví dụ: Hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu; Hệ thống thông tin địa lý nông nghiệp, các công nghệ di động, .v.v...). Từ đó, học phần giúp người học hiểu được vai trò của việc ứng dụng CNTT và các công cụ kỹ thuật số trong việc tăng năng suất, giảm chi phí và tăng lợi nhuận trong sản xuất và kinh doanh nông nghiệp đối với nông dân và các đối tượng liên quan trong các chuỗi cung ứng nông nghiệp.	Khoa Kinh tế
50	KT209	Anh văn chuyên môn kinh tế	3	Tài liệu giảng dạy học phần được tuyển chọn từ Giáo trình “English for Economics” được biên soạn bởi tác giả có kinh nghiệm trong biên soạn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kinh tế. Mỗi bài học được thiết kế theo từng bước hướng người học đến từng chủ điểm cụ thể, thông qua kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề sẽ giúp người học tiếp cận và phát triển kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, kinh tế nông nghiệp, tài nguyên môi trường.	Khoa Kinh tế
51	KT195	Pháp văn chuyên môn kinh tế	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu một số kiến thức cơ bản và từ vựng chuyên ngành trong các lĩnh vực liên quan đến kinh doanh thương mại, soạn thảo văn bản theo văn phong thương mại, ...	Khoa Kinh tế
52	KT465	Phân tích giá trong nông nghiệp	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về những nhân tố ảnh hưởng đến giá cả và hành vi của người mua và bán trên thị trường nông sản. Cụ thể, môn học giúp sinh viên hiểu biết những đặc trưng của cung, cầu đối với nông sản và từ đó, hiểu biết sự hình thành và quyết định giá của nông sản. Môn học còn trình bày những nguyên tắc phân biệt giá và sự biến động giá trên thị trường.	Khoa Kinh tế
53	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	Môn học quản trị rủi ro trong thị trường nông sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình toán tuyến tính và các ứng dụng của nó trong việc phân tích rủi ro trong thị trường nông sản giúp cho nông dân hoặc trang trại có quyết định kinh tế tốt nhất.	Khoa Kinh tế
54	KT475	Thương mại nông nghiệp quốc tế	3	Môn học Thương mại nông nghiệp quốc tế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhằm hiểu được những nguyên lý cơ bản của thương mại quốc tế, các điều ước quốc tế cũng như những chính sách hội nhập, khuyến khích và bảo hộ thương mại toàn cầu. Sinh viên cũng được trang bị các kiến thức về thị trường hối đoái các vấn đề về thương mại nông nghiệp quốc tế gắn với phát triển kinh tế và môi trường, qua đó giúp sinh viên hiểu và tự tin trong các hoạt động giao thương quốc tế.	Khoa Kinh tế
55	KT201	Quản trị dự án	2	Môn học Quản trị dự án là học phần nhằm giúp người học có cái nhìn rõ hơn về tầm quan trọng của việc lập và quản lý dự án trước khi triển khai dự án trên thực tế. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các loại dự án, quản lý tổng thể dự án thông qua quá trình tổ chức, quản lý thời gian các công việc trong dự án và quản lý chi phí dự án. Bên cạnh, quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học như trình bày một dự án hoàn chỉnh.	Khoa Kinh tế
56	KT253	Kinh doanh nông nghiệp	3	Môn học kinh doanh nông nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về tình hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong bối cảnh Việt Nam và Thế giới. Sinh viên được học hỏi và trao đổi về những kiến thức liên quan đến công việc khởi sự và lập phương án sản xuất kinh doanh đối với hàng nông sản. Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên tìm hiểu, nhận dạng các rủi ro trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp và tiếp cận với những	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				phương pháp quản lý rủi ro về giá của nông sản kinh doanh, qua các công cụ quản lý hiện đại.	
57	KT240	Marketing nông nghiệp	3	Những nội dung chính của học phần bao gồm: đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng đến chiến lược hoặc kế hoạch tiếp thị; phân tích thực trạng của ngành hàng hay sản phẩm của nông nghiệp; phân tích thị trường của hàng hay sản phẩm của nông nghiệp, bao gồm phân tích hành vi sử dụng và phân đoạn thị trường của sản phẩm; phân tích hành vi sản xuất của nông hộ hay doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm của nông nghiệp; xây dựng chiến lược hay kế hoạch tiếp thị cho ngành hàng hay sản phẩm nông nghiệp (bao gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược phân phối, chiến lược giá và chiến lược thị trường), thông qua việc sử dụng công cụ ma trận SWOT.	Khoa Kinh tế
58	KT258	Kiểm tập ngành Kinh tế nông nghiệp	2	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại các doanh nghiệp, các trường, viện nghiên cứu với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Sau quá trình kiểm tập, sinh viên thực hiện báo cáo kiểm tập và được đánh giá bởi cơ quan kiểm tập hay hội đồng khoa học do Bộ môn thành lập.	Khoa Kinh tế
59	KT241	Seminar kinh tế nông nghiệp	2	Sinh viên được giáo viên hướng dẫn thực hiện các bước chuẩn bị cho một buổi trình bày seminar để công bố các kết quả nghiên cứu trước công chúng. Những nội dung cụ thể của học phần được tổ chức như sau: - Giáo viên hướng dẫn hướng dẫn các vấn đề cần chuẩn bị khi thực hiện seminar, những nội dung cần báo cáo trong seminar và những vấn đề cần tranh luận trong seminar. - Giáo viên hướng dẫn chỉ định cho sinh viên những nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan và yêu cầu sinh viên chuẩn bị báo cáo trước Bộ môn vào cuối học kỳ đang học. - Sinh viên cần tham gia và tranh luận trong ít nhất một seminar do Bộ môn tổ chức trong quá trình chuẩn bị báo cáo seminar. - Trình bày seminar trước Bộ môn.	Khoa Kinh tế
60	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm chính sách và chính sách nông nghiệp, cách hình thành, ban hành và soạn thảo chính sách nông nghiệp ở Việt Nam và các nước đang phát triển, và những kiến thức cơ bản những công cụ để phân tích chính sách nông nghiệp.	Khoa Kinh tế
61	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	2	Chuỗi giá trị nông sản là một là một trong những chủ đề rất được quan tâm trong kinh doanh nông nghiệp hiện đại. Nội dung môn học cung cấp cho người học cơ hội nắm bắt và trao đổi về các vấn đề liên quan đến chuỗi giá trị nông sản qua việc giới thiệu về những yếu tố tác động đến sự thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp và sự cần thiết của việc nghiên cứu và phân tích chuỗi giá trị nông sản. Người học sẽ được tìm hiểu các khái niệm liên quan đến chuỗi giá trị nông sản, trao đổi và vận dụng các công cụ được sử dụng trong việc phân tích chuỗi giá trị nông sản một cách cụ thể. Ngoài việc phân tích nhằm đánh giá và xây dựng các phương án nâng cấp chuỗi, người học còn được cung cấp những kiến thức liên quan đến việc tạo lập và duy trì các liên kết trong chuỗi giá trị nông sản theo hướng bền vững.	Khoa Kinh tế
62	KT413	Kinh tế vùng	3	Môn học giới thiệu cho sinh viên về các khái niệm liên quan đến các nguyên tắc phân bố sản xuất, khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế. Môn học cũng giới thiệu sự phân bố theo lãnh thổ các ngành kinh tế trong cả nước. Cung cấp các công cụ phục vụ cho phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự phát triển của vùng. Các công cụ bao gồm đo lường thu nhập, cân cân thanh toán, kết cấu nền kinh tế, mô hình đầu vào - đầu ra, liên kết sản xuất và chu chuyển hàng hóa nội bộ vùng, thu nhập và việc làm nội bộ vùng, phân tích hệ thống thỏa thuận, ... Đặc biệt, các đặc điểm cụ thể từng vùng kinh tế lớn ở Việt Nam sẽ được giới thiệu trong môn học.	Khoa Kinh tế
63	KT115	Kinh tế phát triển	3	Môn học này giới thiệu đến các sinh viên những lý thuyết và ứng dụng ở các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế ở các nước đang phát triển. Phương pháp trọng tâm là phương pháp so sánh và phân tích xuyên quốc gia về các vấn đề đương đại và những lựa chọn chính sách khác nhau mà các nước thu nhập thấp và trung bình phải đối mặt trong bối cảnh của nền kinh tế toàn cầu. Môn học bắt đầu với các nguyên tắc và khái niệm về phát triển kinh tế. Chúng ta sẽ xem xét việc lựa chọn các vấn đề và chính sách hiện đại ở các nước đang phát triển bao gồm nghèo đói, thu nhập, bất bình đẳng, phát triển nông	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				ngành, giới tính, thương mại, viện trợ và hoạt động của chính phủ. Tìm hiểu và phân tích các nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia bao gồm lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên và tiến bộ khoa học công nghệ.	
64	KT305	Kinh tế môi trường	3	Kinh tế môi trường là môn học nghiên cứu những vấn đề môi trường bằng quan điểm và những công cụ phân tích của kinh tế học. Nội dung học phần gồm có: (1) Kinh tế môi trường là gì?; (2) Mối quan hệ giữa nền kinh tế và môi trường; (3) Lợi ích và Chi phí, Cung và Cầu; (4) Hiệu quả kinh tế và thị trường; (5) Tính toán kinh tế về chất lượng môi trường; (6) Phân tích chi phí lợi ích; (7) Các tiêu chí để đánh giá các chính sách môi trường; (8) Luật trách nhiệm pháp lý, Quyền sở hữu, Thuyết phục đạo đức, Hàng hóa xanh; (9) Tiêu chuẩn; (10) Thuế phát thải và Trợ cấp giảm thải; (11) Giấy phép thải có thể chuyển nhượng.	Khoa Kinh tế
65	KT418	Phân tích lợi ích chi phí	2	CBA là một quá trình nhận dạng, đo lường và so sánh các lợi ích và chi phí xã hội của một dự án đầu tư hay một chương trình nhằm xem xét việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng hiệu quả nhất. Ở chương trình cử nhân, môn CBA chỉ tập trung các vấn đề sau đây: (1) Giới thiệu các khái niệm cơ bản trong CBA; (2) Phương pháp nhận dạng lợi ích và chi phí; (3) Phương pháp đánh giá các lợi ích và chi phí có giá thị trường; (4) Phương pháp đánh giá các lợi ích và chi phí không có giá thị trường; (5) Cơ sở và tiêu chí lựa chọn giữa các phương án; và (6) Xử lý rủi ro để có cơ sở ra quyết định.	Khoa Kinh tế
66	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm nội dung đầu tiên là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này CBGD sẽ cung cấp cho sinh viên các nội dung cụ thể về văn hoá doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến văn hoá doanh nghiệp. Xây dựng và duy trì văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh và các dạng văn hoá doanh nghiệp.	Khoa Kinh tế
67	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và một số nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.	Khoa Kinh tế
68	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích về đặc điểm chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty, môi trường vĩ mô, vi mô trong chiến lược kinh doanh quốc tế. Thêm vào đó, ảnh hưởng của môi trường văn hóa, thể chế, đạo đức đến chiến lược kinh doanh quốc tế cũng được tìm hiểu trong học phần này. Đồng thời, đặc điểm và hình thức gia nhập thị trường nước ngoài của công ty được nghiên cứu trong học phần này.	Khoa Kinh tế
69	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức khác nhau để phân biệt các chỉ tiêu và nhân tố phân tích. Từ đó giúp học viên nắm được sự khác nhau giữa thay đổi về quy mô hay thay đổi về hiệu quả kinh doanh, cũng như nắm được những sự thay đổi đó là do chủ quan hay khách quan – điều rất cần thiết trong đánh giá nỗ lực của các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp các phương pháp phân tích cơ bản thường được sử dụng trong phân tích để người học vận dụng vào từng đối tượng phân tích cụ thể. Những đối tượng phân tích có thể là (1) kết quả kinh doanh như chi phí, tình hình sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận; (2) các nguồn lực của doanh nghiệp như nhân lực, tài lực và vật lực; và (3) môi trường và thị trường kinh doanh của doanh nghiệp.	Khoa Kinh tế
70	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	Nội dung học phần bao gồm: Phần 1: Một số vấn đề về quản trị chất lượng, phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng. Phần 2: Các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê, trong phần 2 này sinh viên sẽ đi sâu vào ứng dụng của các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê được áp dụng trong doanh nghiệp. Phần 3: Hệ thống quản lý chất lượng, nội dung này sẽ trình bày một số hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.	Khoa Kinh tế
71	KT372	Kế toán chi phí	2	Học phần Kế toán chi phí bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung về kế toán chi phí; Phân loại chi phí và giá thành sản phẩm; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
72	KT439E	Chuyên đề Kinh tế nông nghiệp	2	Sinh viên được giáo viên hướng dẫn thực hiện một nghiên cứu có tính chất mô tả và phân tích trong kinh tế nông nghiệp. Giáo viên sẽ hướng dẫn sinh viên các vấn đề về thiết kế đề cương nghiên cứu, lược khảo tài liệu, thu thập số liệu, xử lý số liệu và trình bày báo cáo khoa học.	Khoa Kinh tế
73	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3	Khóa học này cung cấp cho sinh viên kinh tế và kinh doanh tinh thần khởi nghiệp kinh doanh để trở thành doanh nhân. Nội dung học phần gồm 10 chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về lập kế hoạch kinh doanh bao gồm kế hoạch Marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, và kế hoạch tài chính. Quan trọng hơn, giáo dục khởi nghiệp không chỉ có thực tiễn mà đòi hỏi người khởi nghiệp phải có kiến thức và tư duy khởi nghiệp. Sinh viên sẽ được giới thiệu các lý thuyết, phương pháp, kiến thức, và kỹ năng cần thiết để trở thành doanh nhân. Sử dụng các bài tập tình huống ở cuối mỗi chương, sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức vào phân tích các nội dung đã học, đồng thời vận dụng kiến thức để lập và viết đề án khởi nghiệp kinh doanh cho bản thân.	Khoa Kinh tế
74	KT189	Kinh tế tuần hoàn	2	Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kinh tế tuần hoàn (KTTH) bao gồm: hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến KTTH, hiện trạng triển khai và phát triển KTTH ở Việt Nam và trên thế giới và các lợi ích, quy trình, cơ hội và thách thức khi thực hiện KTTH. Từ đó người học có đủ kiến thức và kỹ năng để thực hiện, phát triển và đề xuất các giải pháp quản lý và chính sách có liên quan đến các mô hình KTTH và kinh doanh tuần hoàn. Ngoài ra, người học cũng được giới thiệu và nghiên cứu về các mô hình thực tiễn về KTTH hiện đã và đang được triển khai hiện nay tại Việt Nam và các nước trên thế giới.	Khoa Kinh tế
75	KT415	Luận văn tốt nghiệp – KTNN	10	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các trường, viện nghiên cứu hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Trong quá trình thực tập, sinh viên thực hiện báo cáo thực tập và bảo vệ kết quả của báo cáo thực tập trước hội đồng khoa học do Khoa thành lập.	Khoa Kinh tế
76	KT300	Tiểu luận tốt nghiệp - <u>KTNN</u>	4	Sinh viên được hướng dẫn thực tập tại các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các trường, viện nghiên cứu hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Trong quá trình thực tập, sinh viên tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu và viết bài luận trình bày dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
77	KT420E	Dự báo kinh tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật dự báo cơ bản phục vụ cho công tác dự báo vĩ mô và vi mô. Học phần trình bày các phương pháp/mô hình dự báo định lượng và định tính dựa trên số liệu sẵn có.	Khoa Kinh tế
78	KT268	Kinh tế nông hộ	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các công cụ phân tích kinh tế về hoạt động sản xuất nông nghiệp của các nông hộ. Thông qua đó, người học hiểu được cách thức mà những người trong hộ sử dụng các nguồn lực cho hoạt động sản xuất, cho sự tồn tại và cho sự cải thiện chất lượng cuộc sống. Người học còn phân tích được tác động của những thay đổi kinh tế, xã hội lên các hoạt động của hộ.	Khoa Kinh tế
79	KT455	Kinh tế lương thực	2	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức kinh tế căn bản có liên quan đến hành vi người tiêu dùng và đường cầu về lương thực. Trên cơ sở những hiểu biết có liên quan đến nghèo đói và các yếu tố có liên quan, những kiến thức về hệ thống viện trợ lương thực quốc tế và các chính sách trong kinh tế nông nghiệp, xu hướng cách mạng xanh trong sản xuất lương thực, từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng vào việc đề xuất các giải pháp có liên quan đến những chính sách an ninh lương thực và nông nghiệp. Một số mô hình kinh tế có liên quan đến lương thực trên thế giới cũng sẽ được thảo luận và phân tích thông qua thuyết trình trên lớp và bài tập nhóm.	Khoa Kinh tế
80	KT478E	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp	2	Môn học Quản trị tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhằm hiểu được những nguyên lý và ứng dụng cơ bản về hệ thống tài chính, thị trường tài chính cho phát triển kinh doanh nông nghiệp; nguyên lý và ứng dụng ra quyết định đầu tư, tài trợ cho kinh doanh nông nghiệp.	Khoa Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Lê Khương Ninh

Phạm Lê Thông

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN